

Bản án số: 41/2019/HS-ST
Ngày 04/9/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phùng Thị Ương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Thị Hồng Phương.

Ông Đặng Quang Tùng.

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Duy Phong, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà:
Ông Trần Ngọc Sơn -Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 7 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn T - Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 09 tháng 02 năm 1982 tại: TL, Cao Bằng;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm NĐ, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 4/12 phổ thông; Con ông: Hoàng Văn T1 (đã chết); Con bà: Phùng Thị K; Sinh năm 1958; Có vợ là Nông Thị L, sinh năm 1983 (Là đồng phạm trong cùng vụ án) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/01/2019, hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Cao Bằng.

2. Nông Thị L - Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày 18 tháng 3 năm 1983 tại: TL, Cao Bằng;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: xóm NĐ, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12 phổ thông; Con ông Nông Văn

Đ - Sinh năm 1956 và con bà: Lô Thị P - Sinh năm 1959; Có chồng là Hoàng Văn T - Sinh năm 1982 (Là đồng phạm trong cùng vụ án); Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2007.

Tiền án, Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2019 đến ngày 01/02/2019 được thay thế biện pháp tạm giữ bằng Cấm đi khỏi nơi cư trú tại xóm NĐ, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng đến ngày 29/9/2019.

Người làm chứng:

1. Vương Thị H - Sinh năm 1982.

Nơi cư trú: Khu 03, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

2. Nông Văn Đ - Sinh năm 1956.

3. Lô Thị P - Sinh năm 1959.

Đều cư trú tại: Xóm NK, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

4. Phùng Thị K - Sinh năm 1958.

Nơi cư trú: Xóm NĐ, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 18^h40' ngày 23/01/2019 tại xóm TM, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng. Tổ công tác của Phòng PC03, phối hợp với đồn Biên Phòng cửa khẩu TL và Công an huyện TL tiến hành kiểm tra xe mô tô BKS 11B1 - 264.94 do Hoàng Văn T - sinh năm 1982 (trú tại NĐ, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng) điều khiển. Phát hiện và thu giữ trên xe 06 hộp pháo nổ, có in chữ Trung Quốc, trọng lượng 10,5 kg. Số pháo nổ trên là của Hoàng Văn T, lấy từ khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, mục đích đem về nhà bố mẹ vợ là ông Nông Văn Đ và bà Lô Thị P (tại NK, thị trấn HQ) để cất giấu và bán lại kiếm lời.

Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của vợ chồng T và bố vợ T, đã phát hiện và thu giữ tổng số pháo nổ các loại là 116 kg; 02 quyển vở học sinh có nội dung liên quan đến việc mua bán pháo; 45.000.000,đ (Bốn mươi lăm triệu đồng); 01 dây chuyền kim loại màu bạc; 01 nhẫn kim loại màu vàng; 01 giấy đăng ký xe mô tô mang tên Nông Thị L; 03 quyển sổ tiết kiệm.

Ngày 29/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với những người có tên trong 02 quyển vở đã tạm giữ của vợ chồng Hoàng Văn T, kết quả khám xét như sau:

Tại chỗ ở của Lã Thị PH - sinh năm 1979 (trú tại xóm NK, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng) phát hiện và tạm giữ 01 quyển vở học sinh, mặt bên trong 02 trang bìa có ghi nhiều chữ và số, phần lớn của các trang bên trong đã bị xé không còn nguyên vẹn, phần còn lại có ghi nhiều chữ và số, nghi có liên quan đến việc mua bán Pháo; 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng.

Tại chỗ ở của Lã Thị A - sinh năm 1977 (trú tại xóm NK, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng) phát hiện và tạm giữ nhiều tờ giấy vở học sinh, 01 quyển vở học sinh có ghi chữ và số, nghi có liên quan đến việc mua bán Pháo.

Tại chỗ ở của Vương Thị H - sinh năm 1982 (trú tại xóm NK, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng) phát hiện và tạm giữ 01 điện thoại nhãn hiệu SAMSUNG, đã qua sử dụng.

Tại chỗ ở của Vi Thị T2 - sinh năm 1984 (trú tại xóm NK, thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng) phát hiện và tạm giữ 02 điện thoại nhãn hiệu OPPO và 01 điện thoại nhãn hiệu PHILIPS, cả 03 điện thoại đã qua sử dụng.

Ngày 25/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định trưng cầu giám định số 17 đối với Viện khoa học hình sự để trưng cầu giám định các mẫu vật nghi là pháo nổ đã thu giữ.

Tại bản kết luận giám định số 566 ngày 28/01/2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: *“Các mẫu vật gửi đến giám định đều là pháo, có đầy đủ đặc tính của Pháo nổ (Có chứa thuốc pháo và khi đốt có gây ra tiếng nổ)”*.

Mở rộng điều tra đã xác định: Do nhà ở gần khu vực biên giới, giáp ranh với Trung Quốc, Hoàng Văn T đi lại và bốc vác thuê, nên có quen biết với một người tên là Hòa (ở xóm Nà Ráy, Long Bang, Trịnh Tây, Quảng Tây, Trung Quốc) có bán pháo nổ. Khoảng tháng 10/2018, T gọi điện thoại hỏi mua pháo với Hòa và yêu cầu đưa đến hàng rào khu vực biên giới Trung Quốc - Việt Nam, để T đến nhận pháo, rồi vận chuyển về nhà bố mẹ vợ là ông Nông Văn Đ, bà Lô Thị P (tại xóm NK, Thị trấn HQ, TL) cất giấu, sau đó đem bán lại cho những người có nhu cầu mua pháo nhằm kiếm lời. Việc trao đổi, mua bán pháo chủ yếu do T thực hiện, có một số lần T không ở nhà, T nhờ vợ là Nông Thị L lấy pháo bán cho khách và nhận tiền nếu khách trả tiền ngay, hoặc ghi vào sổ nếu khách chưa trả tiền. Các chữ và số viết tay trong 02 quyển vở học sinh Cơ quan điều tra phát hiện và tạm giữ là do T, L viết với nội dung ghi thời gian, tên người mua pháo hoặc đặt mua pháo, số lượng, chủng loại pháo. Số tiền lãi có được từ việc bán pháo, T đưa cho L một phần để lo cho cuộc sống gia đình, số còn lại T sử dụng vào mục đích cá nhân.

Hành vi nêu trên của Hoàng Văn T và Nông Thị L đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội: “buôn bán hàng cấm” theo Điều 190 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số: 29/CT-VKSCB-P2, ngày 09/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng đã truy tố Hoàng Văn T và Nông Thị L về tội "buôn bán hàng cấm" theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Hoàng Văn T và Nông Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu ở trên.

Bị cáo Hoàng Văn T khai: Ngày 23/01/2019 khi bị cáo đang vận chuyển pháo từ cửa khẩu TL về nhà bố mẹ vợ, tại xóm NK, thị trấn HQ, thì bị công an bắt quả tang. Thu giữ 06 hộp pháo nổ, trọng lượng 10,5 kg. Công an khám xét nhà ở của bị cáo và khám xét nhà bố mẹ vợ, có thu được pháo nổ các loại là 116 kg. Số pháo cất giấu tại nhà bố mẹ vợ, là của bị cáo mua với ông Hòa (người

Trung Quốc). Mục đích là để bán kiếm lời. Bị cáo được bán pháo cho H, Oanh, PH, T2, nhà ở NK, TT HQ, huyện TL. Thường thì những người này lấy pháo với bị cáo trước và trả tiền sau, nên bị cáo đã ghi vào vở học sinh để nhớ. Những lúc bị cáo không ở nhà, bị cáo có nhờ vợ bán giúp 01 đến 02 lần và ghi giúp vào quyển sổ học sinh đó.

Bị cáo Nông Thị L khai: Bị cáo là vợ của Hoàng Văn T, chồng của bị cáo có sử dụng ma túy và một mình thực hiện việc mua bán pháo. Bị cáo không được cùng chồng sang Trung Quốc mua pháo lần nào cả, người Trung Quốc đem pháo đến cột mốc, chồng của bị cáo vận chuyển từ cột mốc về nhà bố mẹ của bị cáo, nếu có khách hỏi mua thì chồng của bị cáo đem bán kiếm lời. Bị cáo được bán pháo cho H 01 lần, ngoài ra bị cáo còn được ghi sổ sách giúp cho chồng khi có người đặt mua pháo nhưng chưa trả tiền ngay. Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện ở nhà chăm sóc 02 con. Nếu cả hai vợ chồng bị đi tù thì không có ai chăm sóc.

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng ông Nông Văn Đ, Lô Thị P đều khai: Bị cáo Nông Thị L là con gái của tôi, Hoàng Văn T là chồng của L (là con rể của tôi). Vợ chồng L, T đem pháo xuống nhà tôi để từ thời gian nào, chúng tôi không biết, hai vợ chồng L cũng không xin ý kiến vợ chồng tôi. Hàng ngày hai vợ chồng tôi đi làm ruộng, đi chăn trâu nên không biết vợ chồng L đem pháo đến từ lúc nào. Còn hai đứa con của L thì thường xuyên đến nhà tôi, chìa khóa cửa nhà thì được giấu một chỗ cả nhà L đều biết. Gian buồng mà vợ chồng L cất pháo, là của con gái út ở, nhưng năm ngoái đã đi lấy chồng, nên để không đến bây giờ, thỉnh thoảng có gia đình L đến thì ở lại phòng đó, vợ chồng L để pháo từ khi nào, chúng tôi không biết.

Cơ quan CSĐT Công an tỉnh tiến hành khám xét và phát hiện những thùng cát tông ở buồng ngủ thứ hai là pháo có tổng số lượng là 116 kg thì tôi không có ý kiến gì. Chúng tôi xin các cơ quan pháp luật trả lại chiếc xe máy cho Nông Thị L, vì chiếc xe máy đó là tiền của vợ chồng tôi đưa cho L 50 triệu mua xe máy, để đưa đón con đi học và phục vụ sinh hoạt hàng ngày của gia đình. Chúng tôi không biết chồng L sử dụng xe máy BKS 11B1-26494 để vận chuyển pháo ngày 23/01/2019.

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng Vương Thị H khai: Tôi và L có mối quan hệ quen biết được khoảng 3 năm. Tôi có được mua pháo với L, mua hộ bạn tôi, đem về sử dụng trong đám cưới. Tôi mua pháo giúp bạn đem về sử dụng 01 – 02 hộp chứ không buôn bán gì cả. Về thời gian thì tôi không nhớ rõ.

Tại cơ quan điều tra, người làm chứng Phùng Thị K khai: Tôi là mẹ đẻ của bị cáo Hoàng Văn T và là mẹ chồng của bị cáo Nông Thị L. Việc các con của tôi mua bán pháo, tôi không biết. Số tiền và sổ tiết kiệm mà cơ quan công an thu được là tiền nhà nước bồi thường, thu hồi đất của gia đình. Mong các cơ quan chức năng xem xét trả lại cho các con tôi.

Kết thúc phần xét hỏi, Kiểm sát viên tham gia phiên toà trình bày lời luận tội và giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Hoàng Văn T và Nông Thị L theo tội danh và điều luật như trên. Sau khi đánh giá tính chất vụ án, nhân thân

và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo T. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T từ 07 đến 08 năm tù. Áp dụng điểm c khoản 3 Điều 190; điểm r, s; t khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Bị cáo Nông Thị L 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tổ tụng hình sự tịch thu tiêu huỷ 08 thùng cát tông chứa pháo; Phần vật chứng không liên quan đến hành vi phạm tội, cần xử hoàn trả lại cho các bị cáo và tịch thu khoản tiền thu lãi bất chính sung vào ngân sách nhà nước. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị L không có lời bào chữa, trong lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cao Bằng, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà, bị cáo Hoàng Văn T, bị cáo Nông Thị L và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Lời khai của các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị L hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Cao Bằng lập hồi 18 giờ 50 phút, ngày 23/01/2019 đối với Hoàng Văn T. Biên bản khám xét nhà của ông Nông Văn Đ hồi 19 giờ 45 phút ngày 23/01/2019, vật chứng thu được 04 loại pháo có trọng lượng là 116 kg. Biên bản mở niêm phong đồ vật bị tạm giữ lấy mẫu giám định và niêm phong lại hồi 10 giờ 30 phút ngày 25-01-2019 đối với vật chứng bắt quả tang, vật chứng thu giữ được khi khám xét nhà ở của Nông Văn Đ. Kết luận giám định số: 566/C09-P2 ngày 28-01-2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an đối với các mẫu vật gửi giám định là vật chứng bắt quả tang, vật chứng thu giữ khi khám xét nhà; Lời khai của các bị cáo còn phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra vụ án và đã có đủ căn cứ kết luận:

Từ khoảng tháng 10/2018 đến ngày 23/01/2019, bị cáo Hoàng Văn T nhiều lần mua pháo nổ từ Trung Quốc về Việt Nam cất giấu tại nhà ông Nông Văn Đ, bà Lô Thị P, với mục đích bán lại để kiếm lời. Một số lần bị cáo vắng

nhà, có nhờ vợ là bị cáo Nông Thị L lấy pháo nổ đi bán lấy tiền, hoặc ghi vào sổ nợ, nếu khách mua chưa trả tiền. Chiều tối ngày 23/01/2019 khi bị cáo T đang vận chuyển pháo nổ, gần Đồn biên phòng cửa khẩu TL, để đi bán, thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra bắt quả tang thu giữ 10,5kg pháo nổ. Tiến hành khám xét nhà ông Nông Văn Đ, bà Lô Thị P thu giữ 116 kg pháo nổ. Tổng trọng lượng pháo nổ thu giữ là 126,5kg.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị L đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng để nhận thức việc “vận chuyển, mua bán hàng cấm” là vi phạm pháp luật, là xâm phạm đến chế độ quản lý của nhà nước về kinh tế. Nhưng vì mục đích mua pháo về để bán kiếm lời, các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội phạm về tội “buôn bán hàng cấm” được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “*Pháo nổ 120 ki lô gam trở lên*”. Xét thấy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng truy tố các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị L về tội: “buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, buôn bán hàng cấm với khối lượng rất lớn, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự quản lý kinh tế, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự và an toàn xã hội. Cần xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác, đồng thời phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm ở địa phương.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị L đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Bị cáo Hoàng Văn T có 01 tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Cả hai bị cáo đều có 03 tình tiết giảm nhẹ là “người phạm tội tự thú đối với hành vi phạm tội đã thực hiện trước đó”; “người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; “người phạm tội tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án”; Các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm r, s, t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nông Thị L tham gia trong vụ án với vai trò đồng phạm, giúp sức cho bị cáo T, (được bán 01 lần và được ghi sổ sách khi bị cáo T nhờ). Vai trò không đáng kể. Hơn nữa trong vụ án này, cả hai vợ chồng cùng phạm tội và bị xét xử trong cùng một vụ án. Gia đình các bị cáo còn có bố mẹ già và 02 con nhỏ (Sinh năm 2006, 2007). Bị cáo L có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, nên khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cần cân nhắc xem xét áp dụng khoản 2 Điều 54; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nông Thị L. Xét thấy, không cần phải bắt bị cáo L chấp hành hình phạt tù, cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và thể hiện tính nhân văn, nguyên tắc xử lý khoan hồng của pháp luật. Mức hình phạt do Kiểm sát viên đề nghị phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo, có căn cứ pháp luật, cần chấp nhận.

[4] Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 05 (Năm) thùng cát tông đựng pháo (đã niêm phong) là hàng cấm cần tịch thu tiêu hủy;

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, không kiểm tra được số IMEL đã niêm phong. Chiếc điện thoại này, thu của bị cáo L, không liên quan đến hành vi phạm tội, Cần trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) điện thoại di động, hiệu Basicom, số IMEL:863001021894690, đã qua sử dụng. Thu của bị cáo T, bị cáo T đã dùng vào việc liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Cần phát mại sung vào ngân sách nhà nước.

- 01(một) xe máy, nhãn hiệu Honda LEAD, màu vàng nâu, Biển kiểm soát: 11B1-26494, đã qua sử dụng, kèm 01 chìa khóa xe, 01 giấy đăng ký xe mang tên Nông Thị L. là pH tiện bị cáo Hoàng Văn T dùng vào việc thực hiện tội phạm, lẽ ra cần tịch thu phát mại lấy tiền nộp ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, tiền mua chiếc xe này, là tiền của bố mẹ bị cáo L đưa cho, để mua xe làm pH tiện đưa đón các con đi học. Khi bị cáo T dùng xe đi mua bán pháo, bị cáo L không biết, Cần trả lại cho bị cáo Nông Thị L.

- 01 (một) sổ tiết kiệm số 5239912, số TK 009276430016 cấp ngày 26/11/2018 với số tiền 150.000.000,đ tại phòng giao dịch bưu điện TL, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh Cao Bằng đã được kê biên. Xét thấy đây là số tiền do nhà nước thu hồi đất của gia đình và được nhà nước đền bù, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần hoàn trả lại cho bị cáo Nông Thị L.

- Số tiền mặt 45.000.000,đ (Bốn mươi lăm triệu), trong đó có 10.000.000,đ là tiền do phạm tội mà có, cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Số còn lại 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) hoàn trả lại cho bị cáo Nông Thị L.

- Các giấy tờ, quyền sở, tài liệu có chữ và số đã thu giữ trong quá trình khám xét khẩn cấp không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị L phạm tội: “Buôn bán hàng cấm”.

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 190; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Hoàng Văn T. Xử phạt: bị cáo Hoàng Văn T 08 (Tám) năm tù, thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam là ngày 23/01/2019,

Căn cứ vào điểm c khoản 3 Điều 190; điểm r, s, t khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 54, Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Thị L. Xử phạt: Bị cáo Nông Thị L 03 (Ba) năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 04/9/2019. Giao bị cáo Nông Thị L cho Ủy ban nhân dân thị trấn HQ, huyện TL, tỉnh Cao Bằng, giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Việc xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu huỷ: 05 (Năm) thùng cát tông đựng pháo (đã niêm phong) là hàng cấm cần tịch thu tiêu huỷ;

+ Trả lại cho bị cáo Nông Thị L số vật chứng gồm:

- 01 (Một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, không kiểm tra được số IMEL đã niêm phong.

- 01(một) xe máy, nhãn hiệu Honda LEAD, màu vàng nâu, Biển kiểm soát: 11B1-26494, đã qua sử dụng, kèm 01 chìa khóa xe, 01 giấy đăng ký xe mang tên Nông Thị L.

- 01 (một) sổ tiết kiệm số 5239912, số TK 009276430016 cấp ngày 26/11/2018.

- Số tiền 35.000.000,đ (Ba mươi lăm triệu)

+ Tịch thu phát mại 01 (một) điện thoại di động, hiệu Basicom, số IMEL:863001021894690 (đã qua sử dụng) và tịch thu số tiền 10.000.000,đ(Mười triệu đồng) nộp vào ngân sách nhà nước.

(Xác nhận toàn bộ số vật chứng trên đã được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng theo biên bản giao nhận vật chứng số 48 ngày 22/7/2019).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị L, mỗi người phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo Hoàng Văn T, Nông Thị L có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại HN;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh CB;
- Sở Tư pháp CB;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THA dân sự;
- Trại giam;
- Các bị cáo;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu toà HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phùng Thị Ương